

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NSNN; THU NSDP NĂM 2026

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung các khoản thu	Dự toán đầu năm 2026 HĐND tỉnh giao (Nay là HĐND thành phố)		Dự toán HĐND xã giao đầu năm 2026	Điều chỉnh, bổ sung		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
		Tỷ lệ điều tiết NS xã được hưởng theo quy định	Dự toán giao		Tăng	Giảm		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=5+6-7</i>	<i>9</i>
A.	Tổng thu NSNN (I + II+III)	-	119.650	119.650	13.970	32.400	101.220	
I.	Tổng thu ngân sách trên địa bàn (Thu nội địa)		119.650	119.650	13.970	32.400	101.220	
1	Thu thuế từ DNNN địa phương		-	-				
	- Thuế GTGT						0	
	- Thuế TNDN						0	
2	Thu thuế CTN-NQD		95.150	95.150	1.850	32.000	65.000	
	- Thuế giá trị gia tăng	59%	88.000	88.000		32.000	56.000	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	59%	5.150	5.150	1.350		6.500	
	- Thuế tài nguyên	100%	2.000	2.000	500		2.500	
3	Thuế thu nhập cá nhân		5.200	5.200	2.800		8.000	
4	Thuế bảo vệ môi trường			-			0	
5	Lệ phí trước bạ		2.400	2.400	1.100		3.500	
	<i>Trong đó: cân đối lệ phí trước bạ</i>	100%	2.400	2.400	1.100		3.500	

STT	Nội dung các khoản thu	Dự toán đầu năm 2026 HĐND tỉnh giao (Nay là HĐND thành phố)		Dự toán HĐND xã giao đầu năm 2026	Điều chỉnh, bổ sung		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
		Tỷ lệ điều tiết NS xã được hưởng theo quy định	Dự toán giao		Tăng	Giảm		
6	Thu phí, lệ phí		1.080	1.080	720		1.800	
	<i>Trong đó: cân đối phí và lệ phí</i>	<i>100%</i>	<i>1.080</i>	<i>1.080</i>		<i>180</i>	<i>900</i>	
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			-			0	
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	<i>100%</i>	120	120			120	
9	Tiền thuê đất		4.500	4.500	7.500		12.000	
	<i>Trong đó: cân đối tiền thuê đất</i>	<i>80%</i>	<i>4.500</i>	<i>4.500</i>	<i>7.500</i>		<i>12.000</i>	
10	Tiền cho thuê mặt nước			-			0	
	<i>Trong đó: cân đối tiền cho thuê mặt nước</i>			-			0	
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			-			0	
12	Thu tiền sử dụng đất		10.000	10.000			10.000	
	<i>Trong đó: thu tiền sử dụng trong dân</i>	<i>80%</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>			<i>10.000</i>	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc SHNN			-			0	
14	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích			-			0	
15	Thu khác xã		1.200	1.200		400	800	
	<i>Trong đó: cân đối thu khác ngân sách</i>	<i>100%</i>	<i>600</i>	<i>600</i>		<i>300</i>	<i>300</i>	
II.	Thu từ dầu thô							
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu							

STT	Nội dung các khoản thu	Dự toán đầu năm 2026 HĐND tỉnh giao (Nay là HĐND thành phố)		Dự toán HĐND xã giao đầu năm 2026	Điều chỉnh, bổ sung		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
		Tỷ lệ điều tiết NS xã được hưởng theo quy định	Dự toán giao		Tăng	Giảm		
B.	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	-	183.848	183.848	150.219	19.360	314.707	
	Các khoản thu cân đối NSDP	-	183.848	183.848	150.219	19.360	314.707	
1	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	-	72.759	72.759	8.396	19.360	61.795	
	- Các khoản thu hưởng 100%		6.200	6.200	1.600	480	7.320	
	- Thu phân chia theo tỷ lệ %		66.559	66.559	6.796	18.880	54.475	
2	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	-	111.089	111.089	78.724	-	189.813	
	- Bổ sung cân đối		111.089	111.089	10.964		122.053	
	- Bổ sung có mục tiêu				67.760		67.760	
3	Thu kết dư				7.197		7.197	
4	Thu chuyển nguồn				55.902	-	55.902	
4.1	Nguồn cải cách tiền lương				8.079		8.079	
4.2	Nguồn dự toán còn lại				47.823		47.823	